



BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI QUYẾT ĐỊNH SỐ 80/2014/QĐ-TTG QUY ĐỊNH THÍ ĐIỂM VỀ THUÊ DỊCH VỤ CNTT TRONG CQNN

Quảng Ninh, 8/4/2016

- **Chủ trương, mục tiêu**
- **Giới thiệu nội dung Quyết định 80/2014/QĐ-TTg**
- **Tình hình triển khai Quyết định 80/2014/QĐ-TTg**
- **Tổng hợp sơ bộ các vấn đề cần hướng dẫn**
- **Hướng giải quyết**
- **Kiến nghị và đề xuất**

- Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị xác định cần có cơ chế “**khuyến khích áp dụng hình thức thuê, mua dịch vụ CNTT**”.
- Nghị quyết của Chính phủ số 47/NQ-CP ngày 08/7/2014 giao Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì soạn thảo **Quyết định của Thủ tướng Chính phủ** để cụ thể hóa cơ chế thuê dịch vụ CNTT trong cơ quan nhà nước.
- Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 số 72/NQ-CP ngày 7/10/2015.
- Nghị quyết 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 về Chính phủ điện tử cũng đề cập các nội dung này.

MỤC TIÊU

- Tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động thuê dịch vụ CNTT trong CQNN.
- Đưa ra một lựa chọn mới cho phát triển ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước.
- Sử dụng dịch vụ CNTT chuyên nghiệp, chất lượng của các tổ chức, doanh nghiệp CNTT tại Việt Nam.
- Huy động nguồn lực của doanh nghiệp, giảm chi phí đầu tư ban đầu cho hoạt động ứng dụng CNTT.
- Tạo thị trường mới cho các tổ chức, doanh nghiệp CNTT.

NỘI DUNG CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 80/2014/QĐ-TTg

Quyết định được Thủ tướng Chính phủ ký ban hành ngày 30/12/2014, bao gồm: 14 Điều, 3 Chương, các nội dung chính như sau:

- Phạm vi, đối tượng áp dụng:
- Danh mục hoạt động ứng dụng CNTT
- Căn cứ lựa chọn, quyết định việc thuê
- Thẩm quyền trong việc thuê
- Nguyên tắc thuê
- Nguồn kinh phí thuê
- Trường hợp lập kế hoạch, dự án
- Lập dự toán
- Lập, phê duyệt kế hoạch, dự án thuê
- Lựa chọn nhà thầu
- Hợp đồng cung cấp
- Giám sát
- Trách nhiệm Bộ ngành, địa phương

Đối tượng áp dụng:

- a) Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức khoa học và công nghệ công lập, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có sử dụng vốn nhà nước để thuê dịch vụ CNTT;
- b) Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp dịch vụ CNTT cho cơ quan nhà nước.



NỘI DUNG CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 80/2014/QĐ-TTg (2)

Danh mục hoạt động ứng dụng CNTT có thể thực hiện theo hình thức thuê dịch vụ:

1. Hoạt động ứng dụng CNTT của cơ quan nhà nước.
2. Hoạt động ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp.
3. Hoạt động liên quan đến hạ tầng kỹ thuật CNTT
4. Hoạt động khảo sát, lắp đặt, bảo hành, bảo trì, nâng cấp, đào tạo, chuyển giao, tư vấn; triển khai, quản trị, duy trì, vận hành, tích hợp hệ thống...
5. Hoạt động bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin.
6. Hoạt động ứng dụng CNTT khác.



Căn cứ quyết định lựa chọn hình thức thuê:

- Căn cứ vào nhu cầu, điều kiện thực tế, huy động được tối đa nguồn lực và đầu tư của doanh nghiệp, xã hội cho công tác ứng dụng CNTT;
- Căn cứ thuyết minh tính hiệu quả giữa việc thuê dịch vụ so với đầu tư, xây dựng, vận hành ứng dụng CNTT.

Thẩm quyền trong việc thuê:

- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND các cấp quyết định hoặc ủy quyền quyết định cho người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trực thuộc.
- Người có thẩm quyền quyết định đơn vị chủ trì ký kết hợp đồng và tổ chức triển khai, thực hiện việc thuê.

Nguyên tắc thuê dịch vụ CNTT quy định tại Điều 4

1. Nâng cao hiệu quả của ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước, giảm đầu tư từ ngân sách nhà nước...
2. Thông tin, dữ liệu hình thành trong quá trình thuê dịch vụ và phần mềm được đặt hàng riêng để phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ là tài sản thuộc sở hữu của bên thuê...
3. Bảo đảm các yêu cầu về chất lượng dịch vụ, về công nghệ, quy trình ..
4. Bảo đảm an toàn, bảo mật và tính riêng tư về thông tin, dữ liệu của cơ quan nhà nước..
5. Ưu tiên các doanh nghiệp, tổ chức mà trong đó các pháp nhân và thể nhân Việt Nam nắm quyền kiểm soát chi phối và nắm giữ cổ phần chi phối (đối với công ty cổ phần) hoặc nắm giữ phần vốn góp chi phối (đối với các loại hình doanh nghiệp khác) tham gia cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước.

Nguồn kinh phí cho việc thuê dịch vụ CNTT

Kinh phí cho việc thuê dịch vụ CNTT trong cơ quan nhà nước được lấy từ:

- Nguồn kinh phí chi sự nghiệp.
- Nguồn kinh phí chi đầu tư phát triển
- Các nguồn vốn nhà nước hợp pháp khác



NỘI DUNG CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 80/2014/QĐ-TTg (6)

Lựa chọn nhà thầu:

- Thực hiện theo quy định tại Quyết định 80, quy định hiện hành của pháp luật về đấu thầu và các quy định của pháp luật khác

Hợp đồng cung cấp dịch vụ CNTT:

- Các nội dung cần phải có trong hợp đồng như: Quy mô, phạm vi, khung thời gian, giá hợp đồng thuê dịch vụ CNTT; Thông số kỹ thuật đầu ra của dịch vụ CNTT; tiêu chuẩn chất lượng và các chỉ tiêu, yêu cầu đối với dịch vụ

Giám sát, đánh giá hoạt động thuê dịch vụ CNTT trong cơ quan nhà nước

- Giám sát, đánh giá hoạt động thuê dịch vụ nhằm đảm bảo việc sử dụng có hiệu quả nguồn vốn NSNN khi triển khai các hoạt động ứng dụng CNTT theo hình thức thuê dịch vụ CNTT.

1. Về triển khai của Bộ TT&TT

- Công văn số 90/BTTTT-CNTT ngày 14/01/2015; Công văn số 1047/BTTTT-CNTT ngày 13/4/2015, về việc triển khai QĐ 80, rà soát, lập báo cáo tổng hợp các nhiệm vụ, dự án CNTT dự kiến sẽ triển khai theo hình thức thuê dịch vụ CNTT của Bộ, ngành, địa phương.
- Tổ chức 02 buổi tập huấn phổ biến pháp luật tại Hà Nội, TPHCM cho các Sở TT&TT, các cơ quan chuyên trách về CNTT tại các Bộ, cơ quan ngang Bộ.
- Làm việc với một số Bộ, ngành, doanh nghiệp CNTT (Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Ủy ban dân tộc, Công Thông tin điện tử Chính phủ, VNPT, Viettel, CMC, Misa,...)

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI QĐ 80/2014/QĐ-TTg(2)

2. Về triển khai tại các Bộ, ngành trong năm 2015

Căn cứ vào số liệu nhận được gồm: 13 Bộ, cơ quan ngang Bộ, số liệu hiện trạng về thuê dịch vụ CNTT của các Bộ trong năm 2015 được tổng hợp theo bảng như sau:

S T T	Tên dịch vụ có nhu cầu thuê	Tỷ lệ (%)
I	Hoạt động ứng dụng CNTT của CQNN	
1	Thư điện tử	15.3%
2	Phần mềm quản lý chuyên ngành (Đào tạo, kế toán, sở hữu trí tuệ)	46.15%
3	Phần mềm quản lý văn bản	15.3%
4	Hội nghị truyền hình	30.7%
II	Hoạt động ứng dụng CNTT phục vụ người dân, DN	
1	Trang, cổng thông tin điện tử	20.07%
2	Giám sát, vận hành	7.7%
3	Dịch vụ công	0%
4	Một cửa điện tử	0%

III	Hoạt động liên quan đến hạ tầng	
1	Thuê trang thiết bị	20.07%
2	Thuê Đường truyền	100%
3	Thuê Hosting	53.84%
4	Thuê tên miền	53.84%
IV	Hoạt động khảo sát, bảo hành, bảo trì lắp đặt, đào tạo..	
1	Bảo hành, bảo trì	53.84%
2	Đào tạo	7.6%
V	Hoạt động bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin	
1	Phần mềm diệt Virus	12.5%
2	Giám sát an toàn thông tin	23.07%
3	Giải pháp an toàn thông tin	7.7%
4	Đánh giá an toàn thông tin	15.38%
5	Chữ ký số	7.69%

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI QĐ 80/2014/QĐ-TTg(2)

2. Về triển khai tại các địa phương trong năm 2015

Căn cứ vào số liệu nhận được gồm: 43 tỉnh, cơ quan thuộc tỉnh thành địa phương, số liệu hiện trạng về thuê dịch vụ CNTT của các tỉnh này được tổng hợp theo bảng như sau:

STT	Tên dịch vụ có nhu cầu thuê	Tỷ lệ (%)
I	Hoạt động ứng dụng CNTT của CQNN	
1	Thư điện tử	4.6%
2	Phần mềm quản lý chuyên ngành (Đào tạo, kế toán, sở hữu trí tuệ)	6.9%
3	Phần mềm quản lý văn bản	6.9%
4	Hội nghị truyền hình	9%
5	Phần mềm nội bộ	4.6%
II	Hoạt động ứng dụng CNTT phục vụ người dân, DN	
1	Trang, cổng thông tin điện tử	9%
2	Giám sát, vận hành	0%
3	Dịch vụ công	2.3%
4	Một cửa điện tử	9%

II		
I	Hoạt động liên quan đến hạ tầng	
1	Thuê trang thiết bị	6.9%
2	Thuê Đường truyền	100%
3	Thuê Hosting	46.5%
4	Thuê tên miền	23.25%
I	Hoạt động khảo sát, bảo hành, bảo trì lắp đặt, đào tạo..	
V		
1	Bảo hành, bảo trì	53.84%
2	Đào tạo	11.6%
V	Hoạt động bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin	
1	Phần mềm diệt Virus	11.6%
2	Giám sát an toàn thông tin	0%
3	Giải pháp an toàn thông tin	4.6%
4	Đánh giá an toàn thông tin	2.3%
5	Chữ ký số	9%

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI QĐ 80/2014/QĐ-TTg(3)

3. Dự kiến nhu cầu thuê dịch vụ CNTT tại các Bộ, ngành trong năm 2016

Căn cứ vào số liệu nhận được gồm: 13 Bộ, cơ quan ngang Bộ, số liệu hiện trạng về thuê dịch vụ CNTT của các Bộ trong năm 2015 được tổng hợp theo bảng như sau:

S T T	Tên dịch vụ có nhu cầu thuê	Tỷ lệ (%)
I	Hoạt động ứng dụng CNTT của CQNN	
1	Phần mềm quản lý chuyên ngành (Đào tạo, kế toán, sở hữu trí tuệ)	23%
2	Phần mềm quản lý văn bản	15%
3	Hội nghị truyền hình	46.6%
4	Phần mềm nội bộ	23%
5	Thư điện tử	7.6%
II	Hoạt động ứng dụng CNTT phục vụ người dân, DN	
1	Một cửa điện tử	0%
2	Trang, cổng thông tin điện tử	7.6%
3	Dịch vụ công	23%
4	Giám sát, vận hành	0%

III	Hoạt động liên quan đến hạ tầng	
1	Thuê trang thiết bị	38.5%
2	Thuê Đường truyền	100%
3	Thuê Hosting	23%
4	Thuê tên miền	15%
IV	Hoạt động khảo sát, bảo hành, bảo trì lắp đặt, đào tạo..	
1	Bảo hành, bảo trì	46%
2	Đào tạo	15%
V	Hoạt động bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin	
1	Phần mềm diệt Virus	30.7%
2	Giám sát an toàn thông tin	46%
3	Giải pháp an toàn thông tin	53.8%
4	Đánh giá an toàn thông tin	46%

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI QĐ 80/2014/QĐ-TTg(3)

4. Dự kiến nhu cầu thuê dịch vụ CNTT tại các địa phương trong năm 2016

Căn cứ vào số liệu nhận được gồm: 43 tỉnh, cơ quan thuộc tỉnh thành địa phương, số liệu nhu cầu thuê dịch vụ CNTT của các tỉnh trong năm 2016 được tổng hợp theo bảng như sau:

S T T	Tên dịch vụ có nhu cầu thuê	Tỷ lệ (%)
I	Hoạt động ứng dụng CNTT của CQNN	
	Phần mềm quản lý chuyên ngành (Đào tạo, kế toán, sở hữu trí tuệ)	15.2%
	Phần mềm quản lý văn bản	26.03%
	Hội nghị truyền hình	40.00%
	Phần mềm nội bộ	28%
II	Hoạt động ứng dụng CNTT phục vụ người dân, DN	
	Một cửa điện tử	24.5%
	Trang cổng	13%
	dịch vụ công	16%
	giám sát, vận hành	11%

III	Hoạt động liên quan đến hạ tầng	
	Trang thiết bị	15%
	Đường truyền	100%
	Hosting	39%
	Tên miền	29%
IV	Hoạt động khảo sát, bảo hành, bảo trì lắp đặt, đào tạo..	
	Bảo hành, bảo trì	22%
	Tích hợp hệ thống	9%
	Duy trì, vận hành	13%
V	Hoạt động bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin	
	Vius	30.5%
	Giám sát	23%
	Giải pháp an toàn thông tin	21%
	Đánh giá an toàn thông tin	24%

4. Khả năng cung cấp dịch vụ CNTT của doanh nghiệp

Căn cứ vào số phiếu nhận được gồm: 23 doanh nghiệp trên địa bàn toàn quốc, số liệu dự kiến các dịch vụ CNTT của doanh nghiệp hiện đang cung cấp cho CQNN được tổng hợp theo bảng như sau:

S T T	Tên dịch vụ dự kiến sẽ cung cấp	Số doanh nghiệp cung cấp
I	Hoạt động ứng dụng CNTT của CQNN	
1	Thư điện tử	1
2	Phần mềm quản lý chuyên ngành (Đào tạo, kế toán, sở hữu trí tuệ)	11
3	Phần mềm quản lý văn bản	8
4	Hội nghị truyền hình	3
5	Phần mềm nội bộ	10
II	Hoạt động ứng dụng CNTT phục vụ người dân, DN	
1	Trang, cổng thông tin điện tử	6
2	Giám sát, vận hành	1
3	Dịch vụ công	5
4	Một cửa điện tử	4

II	Hoạt động liên quan đến hạ tầng	
1	Thuê trang thiết bị	7
2	Thuê Đường truyền	6
3	Thuê Hosting	8
IV	Hoạt động khảo sát, bảo hành, bảo trì lắp đặt, đào tạo..	
1	Bảo hành, bảo trì	3
2	Tích hợp hệ thống	5
3	Duy trì, vận hành	2
V	Hoạt động bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin	
1	Phần mềm diệt Virus	1
2	Giám sát an toàn thông tin	3
3	Giải pháp an toàn thông tin	3
4	Đánh giá an toàn thông tin	2
5	Chữ ký số	1

Tổng hợp sơ bộ các vướng mắc (1)

1. Chưa có danh mục chi tiết các hoạt động ứng dụng, dịch vụ CNTT phải thuê, khuyến khích thuê

2. Chưa có hướng dẫn tiêu chí thuyết minh tính hiệu quả giữa việc thuê dịch vụ so với đầu tư, mua sắm



Tổng hợp sơ bộ các vướng mắc (2)

3. Khó khăn trong lựa chọn nhà cung cấp và triển khai thực hiện cung cấp dịch vụ CNTT



4. Khó khăn về cách thức theo dõi chất lượng dịch vụ



5. Chưa có quy định cụ thể đối với một số chi phí, xác định giá thuê



6. Khó khăn về nguồn kinh phí cho việc thuê dịch vụ CNTT



1. Đối với tiêu chí thuyết minh tính hiệu quả giữa việc thuê dịch vụ so với đầu tư, mua sắm: Việc thuyết minh có thể căn cứ vào các tiêu chí sau:

- a) Tiêu chí về nghiệp vụ.
- b) Tiêu chí về hiệu quả kinh tế.
- c) Tiêu chí về hiệu quả thời gian.
- d) Tiêu chí về hiệu quả nhân lực.

2. Đối với lựa chọn nhà cung cấp:

Nghị quyết số 72/NQ-CP và Nghị quyết số 36a/NQ-CP: Để đảm bảo an ninh thông tin, Bộ Trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được chỉ định thầu.

3. Đối với cách thức theo dõi chất lượng dịch vụ : Các nội dung Bộ đang nghiên cứu hướng dẫn liên quan đến:

- Hướng dẫn cách xác định thông số kỹ thuật đầu ra của dịch vụ CNTT; tiêu chuẩn chất lượng và các chỉ tiêu, yêu cầu đối với dịch vụ.
- Hướng dẫn cách xác định các yêu cầu, điều kiện về khả năng kết nối, liên thông với ứng dụng, hệ thống thông tin khác mà nhà cung cấp dịch vụ phải đáp ứng.
- Hướng dẫn hình thức, phương pháp đánh giá chất lượng dịch vụ.
- Hướng dẫn cách thức bên thuê giám sát, đánh giá kết quả thực hiện hợp đồng...

Một số văn bản hướng dẫn liên quan đến kỹ thuật:

Trong thời gian qua, Bộ đã ban hành khá nhiều văn bản liên quan đến hướng dẫn về kỹ thuật khi triển khai các ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước như:

- Hướng dẫn liên thông, trao đổi dữ liệu có cấu trúc bằng ngôn ngữ XML trong cơ quan nhà nước tại văn bản số 3788/BTTTT-THH ngày 26/12/2014;
- Hướng dẫn kỹ thuật liên thông tại văn bản số 2803/BTTTT-THH ngày 01/10/2014;
- Hướng dẫn các yêu cầu cơ bản về chức năng, tính năng kỹ thuật tại văn bản số 1725/BTTTT-UDCNTT ngày 04/6/2010;
- Hướng dẫn các yêu cầu cơ bản về chức năng, tính năng kỹ thuật tại văn bản số 1654/BTTTT-UDCNTT ngày 27/5/2008

Hướng giải quyết (4)

4. Đối với dự toán thuê: Nghị quyết số 72/NQ-CP và Nghị quyết số 36a/NQ-CP, cho phép xác định giá thuê tạm thời ngắn hạn (dưới 12 tháng) nếu chưa đủ điều kiện để xác định giá thuê.

5. Đối với khó khăn về nguồn kinh phí cho việc thuê dịch vụ CNTT: Bộ TT&TT sẽ phối hợp với Bộ Tài chính để hướng dẫn ưu tiên bố tăng ngân sách chi thường xuyên để thuê dịch vụ CNTT trong CQNN theo Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 3 số 25/NQ-CP ngày 5/4/2015.

6. Đối với việc tính một số chi phí

- Về định mức chi phí lập kế hoạch và định mức chi phí lập dự toán cho dự án: Định mức chi phí lập kế hoạch và lập dự toán dự án có thể áp dụng linh hoạt theo quy định tại Quyết định 993/QĐ-BTTTT ngày 01/7/2011 về định mức chi quản lý dự án và chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKH&ĐT-BTTTT ngày 15/02/2012 hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

➤ Đối với CQNN:

- Nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết số 72/NQ-CP và Nghị quyết số 36a/NQ-CP.
- Cần thông tin công khai thông tin về nhu cầu thuê trên cổng thông tin điện tử của mình để các doanh nghiệp tham khảo, xây dựng dịch vụ, giá thuê.
- Ưu tiên bố trí kinh phí khi phê duyệt, phân bổ ngân sách thuộc thẩm quyền cho việc thuê dịch vụ CNTT.
- Đẩy mạnh triển khai thuê dịch vụ CNTT.
- **Đối với các doanh nghiệp:** Cần chủ động đưa ra các dịch vụ, kinh phí kèm theo để CQNN tham khảo, lựa chọn.

Xin Cảm Ơn